TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/5/2020.
"V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Văn Đá
2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Bích Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 646/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2019, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con**"**; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thu T - sinh năm 1981 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn T2, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

***Bị đơn:** Anh Trương Minh T1 – Sinh năm 1981 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T2, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2019 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày: Chị và anh Trương Minh T1 tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung vợ chồng năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà anh T1 được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 bênh vực em của anh T1 đánh chị, không muốn chị cùng xây dựng mái ấm gia đình, không quan tâm đến vợ con, không lo cho gia đình, chị đã về nhà mẹ ruột của chị ở từ đầu năm 2017 cho đến nay, trong thời gian đó không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa đề nghị ly hôn với anh Trương Minh T1.Về con: vợ chồng có 01 con tên Trương Thị Quỳnh H1 – sinh ngày 30/5/2006. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không cần cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trương Minh T1 vắng mặt không trình bày gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T đối với anh Trương Minh T1. Về con chung: Trương Thị Quỳnh H1 – sinh ngày 30/5/2006 cho chị Trần Thị Thu T trực

tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Minh T1 có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh Trương Minh T1 vắng mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của anh Trương Minh T1 không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, anh T1 đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng không nhận chứng tỏ anh đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Tòa án đã thực hiện việc giao và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trương Minh T1.

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2020 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân như sau: Theo lời khai của chị Trần Thị Thu T và các tài liệu có tại hồ sơ thì chị T và anh T1 sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Thị Thu T khai nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh T1 không quan tâm vợ con, không lo cho gia đình, không muốn cùng chị xây dựng mái ấm gia đình. Từ nguyên nhân trong cuộc sống vợ chồng nêu trên thì Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị Thu T và anh Trương Minh T1 trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T.

3. Về con chung: Chị Trần Thị Thu T khai phù hợp các tài liệu có tại hồ sơ là vợ chồng có 01 con tên Trương Thị Quỳnh H1 – sinh ngày 30/5/2006. Khi ly hôn chị Trần Thị Thu T xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con phù hợp quy định của pháp luật nên giao cháu Trương Thị Quỳnh H1 cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản và nợ: Chị Trần Thị Thu T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Thu T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trương Minh T1 không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238**;** Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T với anh Trương Minh T1. Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Trương Minh T1.

- Về con chung: Giao cháu Trương Thị Quỳnh H1 – sinh ngày 30/5/2006 cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Minh T1 có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Trương Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí, lệ phí: Chị Trần Thị Thu T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị Trâm đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0028771 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Anh Trương Minh T1 không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trương Minh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận**;**
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Thanh Quang